

PHẬT THUYẾT VỊ TẶNG HỮU NHÂN DUYÊN KINH QUYỂN HẠ

Đức Phật lại tư duy: “Nay trong pháp của ta có các Tỳ-kheo lời nói không đi đôi với việc làm, tâm miệng trái ngược nhau, hoặc vì lợi dưỡng, tiền tài, ăn uống; hoặc vì danh tiếng, quyến thuộc được đông đảo; hoặc có người vì chán ghét phép vua phục dịch xuất gia học đạo đều không có hướng về ba môn giải thoát, vượt khổ trong ba cõi, đem tâm bất tịnh, tham lam thọ dụng đồ của tín thí, không biết đời sau nhiều kiếp phải chịu tai ương để trả nợ sau. Vì những hạng người ấy, lẽ nào ta lại không giảng nói.”

Đức Phật nói với vua:

–Ta nhớ lại về thời quá khứ vô số kiếp xa xưa có một nước lớn tên là Bù-phiến-xà. Nước ấy có một người con gái tên Đề-vi, dòng Bà-la-môn, chồng chết, ở một mình. Nhà cô ta rất giàu nhưng không có con cái, lại không cha mẹ, chỉ ở một mình, không chỗ nương tựa. Trong pháp Bà-la-môn, nếu không đúng như ý thì tự thiêu thân. Các Bà-la-môn luôn luôn đến chỗ Đề-vi giáo hóa, bảo:

–Thân khốn khổ ngày nay đều do tội của thân đời trước. Sao gọi là tội? Nghĩa là không tôn kính, phụng thờ các Bà-la-môn, lại không hiếu thuận cha mẹ, vợ chồng, không có lòng Từ với sự nuôi dưỡng con cái... Vì có những tội ấy mà ngày nay thân chịu cô đơn, khốn khổ. Hiện tại cô không tu phước để diệt trừ tội lỗi thì đời sau càng đau khổ hơn, bị đọa trong địa ngục, bấy giờ có hối hận cũng không kịp.

Đề-vi hỏi:

–Tôi phải làm phước gì để diệt tội lỗi?

Bà-la-môn trả lời:

–Có hai cách diệt tội: Nếu tội nhẹ, tự tay cắt tóc, lấy nước thơm tắm rửa, rồi vào miếu trời sám hối, cảm tạ trời Na-la-diên, thỉnh đủ một trăm vị Bà-la-môn bày biện cúng dường ăn uống. Sắp thức ăn uống xong, lấy sữa của một trăm con bò bố thí cho Bà-la-môn, sau đó tội sẽ tiêu diệt. Vì sao? Vì các Bà-la-môn tu hành phạm hạnh, không uống rượu, không ăn thịt cùng năm loại cay nồng, chỉ lấy sữa bò để làm thức ăn uống khiến cho thí chủ tội diệt, phước sinh, đời đời sinh ra nguyện gì được nấy.

Ngày nay, tội của cô rất nặng, nên dùng tất cả châu báu trong nhà để bố thí cho năm trăm đại Bà-la-môn. Các Bà-la-môn được bố thí rồi phải chú nguyện cho cô, khiến cô đời sau thường được giàu có. Hai là, muốn diệt tội thì đến bên bờ sông Hằng, chất củi để tự thiêu. Các Bà-la-môn lại chú nguyện khiến tất cả tội lỗi nặng nhẹ mà đời trước cô đã tạo đều diệt sạch. Đời sau không còn tai ương nào khác. Cha mẹ, anh em, vợ chồng, con cái sống lâu vô lượng, an lạc vô cùng.

Thế rồi, Đề-vi liền đồng ý, quyết định được khai tâm thì sẽ tự đốt thân, bèn ra lệnh nô tỳ đem mười chiếc xe vào núi chặt củi chất đống lại để tự đốt thân.

Khi ấy, trong nước có một đạo nhân tên Bát-đế-bà (*Hán dịch là Biện Tài*) tinh tấn trì giới, đa văn, trí tuệ, thường đem lòng từ để giáo hóa thiên hạ cải tà quy chánh, bỏ ác tu thiện. Ông ta nghe đồn Đề-vi muốn tự thiêu thân nên sinh tâm thương xót, đến chỗ Đề-vi, ông ta hỏi:

–Cô chất củi lửa định làm gì?

ĐỀ-vi trả lời:

–Vì muốn tự thiêu thân để diệt trừ tội lỗi.

Biện Tài nói:

–Tội nghiệp của cô tùy theo tinh thần chứ không liên quan gì đến thân, nên chịu khổ đốt thân thì đâu có thể diệt tội được. Họạ phước của con người do tâm sinh ra. Vì tâm nghĩ nhớ điều thiện nên thọ quả báo thiện. Vì tâm nghĩ nhớ điều ác nên thọ quả báo ác. Tâm nhớ nghĩ khổ vui nên thọ quả báo cũng như vậy. Giống như chết đói thì làm ngạ quỷ. Ai chết trong lúc khổ não thì thọ quả báo khổ não. Ai chết hoan hỷ thì thọ quả báo hoan hỷ. Ai chết trong cảnh an ổn, vui thích thì quả báo cũng như vậy. Nay cô vì sao ở trong khổ não cầu muốn diệt tội mong muốn quả báo thiện? Thật ra không cần như vậy, vì đối với lý không đúng.

Lại nữa, này ĐỀ-vi! Giống như người bệnh nặng, bị khổ não bức bách. Nếu có người ác đến quở mắng người bệnh, dùng tay tát tai, ý người ấy thế nào? Bấy giờ người bệnh dù có tâm thiện, nhưng có tức giận, khổ não không?

ĐỀ-vi trả lời:

–Khi chưa thấy người kia, người bệnh nặng ấy cũng hay tức giận, khổ não, huống chi còn bị tát tai mà lại không tức giận!

Biện Tài nói:

–Vì tội đời trước của cô như vậy nên nay phải chịu góa bụa, khốn khó, luôn sầu não, lại muốn đốt thân nhằm lìa sầu não có thể được sao? Như kẻ bệnh khổ bị người quở mắng còn tăng thêm khổ não gấp trăm ngàn vạn lần, huống chi là tự mình đốt thân? Khi lửa dữ bốc lên, thân thể cháy nát mà hơi thở không tắt vì tâm chưa hoại. Bấy giờ, thân tâm bị đốt, thần thức chưa đi nên càng chịu khổ não, phiền muộn, đau đớn. Do đó, khi qua đời bị đọa vào địa ngục, khổ não trong địa ngục càng tăng trưởng gấp trăm ngàn vạn lần, mong thoát khỏi nhưng rất khó huống chi là đốt thân thể để cầu hết khổ!

Lại nữa, ĐỀ-vi! Giống như con bò kéo xe, vì con bò rất ghét chiếc xe, muốn cho xe bị hư hoại, nhưng nếu xe trước mà hư hoại thì tiếp tục kéo xe sau, ách đè trên cổ nó vì tội chưa hết. Người ta cũng như vậy, giả sử thiêu đốt tan hoại trăm ngàn vạn thân thì nhân duyên của tội nghiệp vẫn nối tiếp nhau không dứt. Như nơi địa ngục A-tỳ thiêu đốt các tội nhân trong một ngày hơn tám vạn lần sống chết. Qua một kiếp rồi, tội của họ mới hết, huống chi ngày nay cô thiêu đốt một thân này để muốn hết tội, sao có lý đó được?

Khi ấy, Biện Tài dùng vô số phương tiện giảng nói chánh pháp cho cô ĐỀ-vi. Cô ta tâm khai ý mở, sửa đổi ý nguyện thô tháo, ý muốn tự thiêu đốt thân không còn nữa. Cô thưa với Đạo sĩ Biện Tài:

–Tôi phải làm thế nào để được hết tội?

Biện Tài trả lời:

–Tâm trước tạo ác, giống như mây che mặt trăng. Tâm sau làm thiện như được tiêu trừ tầm tối. Nay cô có ý định muốn diệt trừ tội lỗi thì tự mình đã có cách. Cô không tốn một tiền nào, cho đến không một chút khổ nhỏ như phần sợi lông, nhưng có thể diệt trừ được tội lỗi, hiện tại được an ổn, đời sau muốn sinh nơi nào đều được như ý nguyện.

Nghe vậy, ĐỀ-vi rất vui mừng, ưu buồn liền tan biến, giống như người bị tù, tội nặng mà được thả. Cô ta liền đứng dậy cung kính lễ bái, thăm hỏi và sai nô tỳ trái một tòa cao bằng gấm, tơ, lụa có hoa đan xen, đẹp đẽ bậc nhất, rải hoa, đốt hương, thỉnh

Đạo sĩ Biện Tài lên tòa cao. Biện Tài nhận lời thỉnh, liền lên tòa cao. Đề-vi dẫn hơn năm trăm quyến thuộc, nô tỳ trong gia đình vây quanh Đạo sĩ Biện Tài, cúi đầu cung kính, đứng chấp tay. Đề-vi thưa Biện Tài:

–Vừa rồi Tôn giả đã nói về phương pháp để diệt tội. Tuy lòng tôi rất vui mừng nhưng còn có một nghi ngờ nhỏ, xin Tôn giả hãy nói cho tôi rõ, cách thức trừ diệt tội phải làm theo pháp như thế nào?

Biện Tài nói:

–Nguyên do sinh tội xuất phát từ thân, miệng, ý. Thân nghiệp không thiện là sát sinh, trộm cắp, tà dâm. Khẩu nghiệp không thiện là nói dối, nói lời ly gián, nói lời ác, nói lời thêu dệt. Ý nghiệp không thiện là ganh ghét, sân giận, kiêu mạn tà kiến. Đó là mười nghiệp ác, phải chịu quả báo ác. Nay phải nhất tâm chí thành sám hối. Nếu ở quá khứ hoặc đời hiện tại có tội như vậy thì nay đều phải sám hối. Muốn hết tội, diệt tội thì tự mình phải lập thế nguyện: “Từ nay trở đi con không dám tái phạm nữa và con vì cha mẹ, vợ chồng, anh em đời trước có tội lỗi, con xin thay thế họ nhất tâm sám hối. Con, đệ tử Đề-vi đem sự sám hối hôm nay để sửa ác tu thiện, đem phước đức để bố thí cho tất cả chúng sinh thọ khổ, khiến họ được an lạc. Chúng sinh có tội, con sẽ thay họ.”

Lại lập thế rằng: “Nay con cải tà quy chánh, sám hối tội lỗi, tu phước. Nhờ nhân duyên này được xả thân, thọ thân cho đến khi thành tựu Phật đạo, thường gặp minh sư, tri thức thiện, sống lâu vô lượng, luôn cùng cha mẹ, vợ chồng, con cái, sáu thân quyến thuộc bảo hộ nhau, không nếm chút đau khổ, không như ngày nay.”

Biện Tài lại nói với Đề-vi:

–Phương pháp sám hối tội lỗi đều như vậy.

Lúc đó, Đề-vi cùng quyến thuộc đến trước Biện Tài quỳ chấp tay thưa:

–Đệ tử chúng con cung kính vâng theo lời Tôn giả dạy, như pháp sám hối rồi, cúi xin Tôn giả ban cho chúng con giáo pháp lành khác. Chúng con sẽ tinh tấn phụng hành để tăng trưởng công đức.

Biện Tài nói:

–Con nay thành tâm quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng (*nói như vậy ba lần*). Con trọn đời thọ đạo mười thiện. Đệ tử chúng con từ nay trọn đời không sát sinh, không trộm cắp, không tà dâm. Đó là nghiệp thiện của thân. Không ganh ghét, sân si, kiêu mạn, tà kiến. Đó là nghiệp thiện của ý. Không nói dối, nói lời ly gián, nói lời ác, nói lời thêu dệt. Đó là nghiệp thiện của khẩu. Tất cả đấy là giới pháp mười thiện.

Bấy giờ, Biện Tài trao cho Đề-vi pháp mười thiện rồi, quyến thuộc Đề-vi sung sướng vui mừng, hết lòng phụng trì. Đề-vi sửa soạn năm trăm món ăn uống và nhiều thứ châu báu, quỳ chấp tay thưa:

–Cúi xin Tôn giả lưu lại đây, rủ lòng thương giáo hóa. Chúng con xin xây dựng cung thất đầy đủ tiện nghi, trọn đời phụng sự Tôn giả.

Biện Tài đáp:

–Nay cô có thể bỏ tà quy chánh, tịnh tu mười thiện, làm con của chánh pháp. Lại lấy mười thiện để giáo hóa thiên hạ. Như vậy là đã báo ân sâu nặng của thầy rồi. Cô đã được độ rồi, ta không nên ở lại đây vì phải còn đi giáo hóa các nơi khác nữa.

Đề-vi biết thầy không ở lại, liền đóng xe chở đồ châu báu cất trong kho dâng lên cúng dường thầy để biểu lộ sự thành tâm của mình. Biện Tài không nhận, liền từ biệt đi. Đề-vi tự nghĩ: “Lợi ích ngày nay không phải do ta. Đó là nhờ ân Tôn sư Hòa thượng đã khai ngộ nên ta được thành tựu. Ta đã năn nỉ mời thỉnh mà thầy không lưu lại, lại còn

không nhận châu báu, như vậy thì làm sao?” Nghĩ như vậy rồi, cô ta buồn bã ưu phiền, nước mắt đầm đìa, cúi đầu từ tạ rồi đi.

Sau khi Biện Tài ra đi, Đề-vi cùng với năm trăm quyến thuộc thường lấy pháp mười thiện lần lượt giáo hóa nhau. Trải qua thời gian khá lâu, trong nước lúa gạo bỗng nhiên hiếm quý, dân chúng đói khát. Khi ấy, có năm Tỳ-kheo lười biếng, buông lung, không chịu tu học theo nghĩa lý trong kinh sách, lại không chuyên tâm tinh tấn, hành trì giới pháp, bị người đời khinh chê, không cúng dường nên bản cùng khốn khổ, không biết cách nào sống. Năm người bàn với nhau: “Sinh kế của con người hình thức tùy thời. Mạng người rất quý trọng, không nên để chết”. Bàn vậy xong, năm người cùng nhau đi xin. Sửa soạn đầy đủ giường dây rồi đi đến giữa vùng đồng trống quét dọn sạch sẽ, treo hoa, dựng cờ thật trang nghiêm, lại theo thứ tự ngồi. Bên ngoài, hình tướng giống như thiên tư nhưng bên trong nhớ nghĩ các điều tà vạy, ô trược. Người đời thấy vậy liền cho là Thánh nhân. Thế rồi, họ chờ đợi đến cúng dường cả trăm món thức ăn, năm người kia được no bụng rồi cũng còn dư. Nghe việc ấy, Đề-vi sai người dò xét, tin trở về báo rằng: Có năm Thánh nhân ngồi một mình trong vùng đồng vắng, mọi người tụ tập lại đông đảo giống như thờ kính Thiên thần. Đề-vi vui mừng tự nghĩ: “Nguyện ta đã thành tựu rồi!” Sáng sớm, Đề-vi liền ra lệnh sửa soạn xe báu cùng hương hoa, kỹ nhạc đến chỗ năm Tỳ-kheo. Đến nơi, Đề-vi lễ bái thăm hỏi, sắp đặt cúng dường. Năm người ăn uống xong, Đề-vi cùng quyến thuộc cung kính chấp tay, thưa:

*Đức thầy đáng kính
Ruộng phước vô thượng
Chúng sinh được nhờ
Không nên xem thường!
Đệ tử ngu muội
Muốn thỉnh Tôn linh
Bước đến nhà nghèo
Lòng thành nhỏ nhoi,
Xin thầy thương xót
Cứu vớt quần sinh
Đệ tử cũng có
Vườn cây thanh tịnh
Suối chảy, ao tắm
Trong lành tươi sáng.*

Quyến thuộc và Đề-vi lạy ba lạy. Khi ấy, năm Tỳ-kheo biết mình đã đạt được ý nguyện nên liền chấp thuận. Đề-vi vui mừng cáo từ trở về sai người sửa soạn xe báu đón năm Tỳ-kheo về chỗ ở của mình để cúng dường. Cách nhà không xa, Đề-vi có khu vườn rất đẹp, ngang dọc gồm đủ mười khoảnh, có hoa trái nhiều thứ, chim chóc nhiều loại, thanh tịnh hết mực. Trong vườn dựng một ngôi nhà trang hoàng bằng các thứ vật báu quý giá, lại trải bày giường chiếu với các đồ nằm đẹp đẽ, tinh khiết rồi mời năm Tỳ-kheo an trú trong đó. Đề-vi đêm ngày phụng thờ, cần lúc nào có lúc đó, ăn uống, thuốc thang luôn cung cấp không khi nào thiếu.

Còn năm Tỳ-kheo được chủ nhân cúng dường một cách ân hậu, an ổn, vui thích quá đổi tự nói: “Vì sao bỗng dưng có được như vậy? Người sống ở đời dùng đủ phương cách tìm kiếm danh lợi để cứu sự nghèo khổ. Tuy họ được như ý nhưng không bằng chúng ta, không nhọc thân mà còn được hưởng phước lộc. Đây lẽ nào không phải nhờ

sức của trí tuệ sao?” Năm Tỳ-kheo ấy quan sát thấy chủ nhân tiếp đãi ân cần, nên cùng bàn với nhau:

–Tuy chúng ta được chủ nhân tùy thời cung cấp một ngày giàu có của mình bằng người nghèo chỉ dụng cả năm. Còn những thời gian lạnh rét thì làm sao giàu vui? Nay chúng ta nêu bày ra cách để tìm kiếm nhiều của cải, tiền bạc nhằm sau này hưởng năm dục lạc.

Bàn luận như vậy xong liền thay đổi nhau, sai một người trong số họ đi vào các xóm làng, xướng lên như vậy:

–Bốn Tỳ-kheo kia ở chỗ thanh vắng, tịch tĩnh, giữ gìn giới cấm, không uống rượu, không ăn thịt và các thứ cay nồng, xứng đáng với người tu phạm hạnh, tạo nghiệp vô lậu, tu hành không bao lâu tất chứng quả A-la-hán. Đó là ruộng phước vô thượng trong thiên hạ.

Nghe nói vậy, mọi người càng đem đến nhiều của cải, tiền bạc và thức ăn uống, để liên tục cung kính cúng dường nhiều năm như vậy.

Đề-vi thực tâm kính tin, tùy nghi cúng dường và vui mừng khôn xiết, nên khi qua đời, cô được sinh vào cõi trời Hóa lạc. Năm Tỳ-kheo đó chuyên làm việc xảo quyệt, giả dối, vì tâm tà vạy, ô uế nên khi qua đời bị đọa vào địa ngục, chịu đại khổ qua tám ngàn ức kiếp, tội địa ngục hết, lại làm thân ngựa quỳ yêu mị gồm ghiếc, cũng trải qua tám ngàn ức kiếp, tội ngựa quỳ hết, bị làm thân súc sinh để trả nợ cho chủ nhân đời trước từng cúng dường. Vì nghiệp báo này mà phải thọ thân lừa, lạc đà, trâu, ngựa theo phước báo của người chủ được thọ hưởng luôn phải đem gân sức để trả cho người chủ. Như vậy, trải qua tám ngàn đời, tội súc sinh hết, tuy được làm thân người nhưng các căn bị ám độn, không có nam căn, nữ căn, gọi là Thạch nữ. Từ đó đến nay trải qua tám ngàn đời luôn dùng sức lực nơi thân để trả nợ cho người chủ, đến nay vẫn chưa dứt.

Đức Phật bảo nhà vua:

–Đề-vi lúc đó chính là hoàng hậu bây giờ. Đạo sĩ Biện Tài nay chính là Tôn giả Đại Mục-liên. Năm vị Tỳ-kheo đối gạt kia tức là năm người Phiến-đà-la theo khiêng kiệu cho hoàng hậu.

Vua bạch Phật:

–Thế Tôn đã nói năm người tạo nhân mà nay chỉ có bốn người khiêng kiệu, còn một người nữa ở đâu?

Đức Phật bảo:

–Còn một người ở trong cung giữ việc lau chùi nhà xí và hốt dọn phân nhơ.

Nghe Đức Phật nói vậy, hoàng hậu bỗng nhiên hoảng sợ, liền đứng dậy lạy Phật, chắp tay đứng qua một bên, thưa:

–Như Thế Tôn đã nói, những người Phiến-đà-la ấy có nhân duyên nơi đời trước với con, đã làm thầy con nên con rất lo sợ phạm tội nghịch. Vì sao? Vì làm thầy nên phải tôn kính hết mực, lễ lạy, đó là nghi lễ với người thầy. Ngược lại, sai khiêng kiệu thì không khác gì trâu ngựa, do đó mà con rất lo sợ, xin Phật vui lòng thương xót cho phép con sám hối.

Đức Phật bảo:

–Hoàng hậu có phước đức, tự mình không có tội lỗi, có gì mà nghi sợ? Vì chúng sinh căn tánh khác nhau nên hành nghiệp không giống nhau. Thiện thì hưởng phước, ác thì tự chuốc lấy tai ương. Hoàng hậu xưa tâm ngay thẳng thanh tịnh, tin thích tu phước. Nhờ phước đức ấy nên từ đó đến nay đời đời sinh ra luôn gặp minh sư, tin thọ lời dạy

bảo, từ thiện vào thiện, từ lộc vào lộc, đến nay hưởng phước tự nhiên, gặp Phật ra đời. Phước đức của thân mạng đời trước là nhờ sức mạnh từ các nhân duyên, lại được nghe chánh pháp, theo đúng như lời nói để tu hành, do nhân duyên đó mà không có tội lỗi. Năm người Phiến-đà-la do nhân duyên nơi kiếp trước là tà vạy, ô uế, dua nịnh, không có lòng từ mà thọ sự cúng dường của hoàng hậu. Vì nhân duyên của nghiệp tạo tội lỗi nên phải luôn trả nợ xưa.

Hoàng hậu bạch Phật:

–Nay con nghe Thế Tôn nói về nhân duyên của nghiệp cũ, sự nghi ngờ của đệ tử đã được giải bày nên không còn lo sợ nữa. Những người Phiến-đà-la này chịu quả báo của nghiệp tạo tội lỗi đến khi nào sẽ hết? Đệ tử nay xin thả các Phiến-đà-la được tự do, không dám sai khiến nữa, đi đâu tùy ý. Cúi xin Thế Tôn thuyết pháp khai ngộ để tâm họ được mở bày sửa ác tu thiện, mau được thoát khổ.

Đức Phật bảo:

–Muốn Ta mở bày giáo hóa thì hãy kêu người giữ việc quét dọn phân nhơ ở trong cung đến đây.

Tức thời, hoàng hậu sai người đi kêu Phiến-đà-la kia. Sứ giả vâng lệnh, chốc lát đã dẫn đến. Năm người Phiến-đà-la đã có mặt đủ và đứng trước Đức Phật. Đức Thế Tôn đại Từ bi trước tiên dùng lời nói nhẹ nhàng, an ủi họ.

–Các con thân thể và khí lực rất khỏe mạnh, an ổn, vui thích, chắc là không có khổ não chứ?

Năm người nổi giận nói:

–Phật không biết chi cả. Vì sao? Vì đêm ngày khổ sở, bị đánh đập, sai khiến không chút nào được rảnh, có gì là vui? Phật lẽ nào không biết những việc như vậy chẳng sao còn hỏi như thế?

Đức Phật bảo năm người:

–Cái khổ của thân ấy nơi ngày nay đều do đời trước tạo tác những việc tà vạy, ô uế và dua nịnh, luôn có tâm bất thiện nhận sự cúng dường của người. Vì nghiệp tạo tội lỗi nên lần lượt sinh ra đến thân hôm nay phải thường trả nợ từ nhân của nghiệp đã tạo mà vẫn chưa hết. Các người muốn mong thoát khỏi quả báo ác thì bây giờ hãy chí tâm sám hối tội lỗi đã tạo, sửa ác tu thiện thì mới có thể thoát được khổ.

Nghe Phật nói như vậy, Phiến-đà-la lại nổi giận đùng đùng, quay lưng không muốn nghe. Đức Phật liền dùng thần lực tạo một hóa Phật đứng trước mặt họ, dùng phương tiện an ủi, khuyến dụ để họ sám hối. Những người Phiến-đà-la bèn quay mặt về phía Đông, lại có một hóa Phật đứng trước mặt. Họ quay mặt về phía Tây, lại có một Hóa Phật nữa. Bốn góc, trên dưới đều có hóa Phật đứng đối diện. Thấy Phật có mặt khắp xung quanh mình, những người Phiến-đà-la tức thời la lối om sòm:

–Ngày nay chúng tôi là hạng người tội lỗi xấu ác, vì sao Phật cứ bức bách nhìn chúng tôi?

Lúc ấy, Đức Thế Tôn thu các Hóa Phật trở lại làm một thân Phật. Đức Phật bảo đại chúng:

–Quốc vương, hoàng hậu, các Tỳ-kheo, các vị có thấy những người Phiến-đà-la này không?

Tất cả đều nói:

–Dạ thưa có thấy.

Đức Phật nói:

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

–Các vị nên biết! Nghiệp tạo tội của chúng sinh có hai chương ngại: Một là nghiệp chướng, hai là phiền não chướng. Nếu người tội nhẹ là bị phiền não chướng, tội nặng là do nghiệp chướng. Những người Phiến-đà-la này có cả hai chướng. Vì chướng của nghiệp tạo tội nặng nên không thể thọ lãnh lời giáo huấn, không làm gì được!

Bấy giờ, hoàng hậu thấy những người Phiến-đà-la không nghe nhận lời Phật khuyến hóa, nên xót thương họ, mà nói:

–Từ nay trở đi, nhân duyên đã giải mở hoàn toàn. Các người đi đâu tùy ý, không còn ưu phiền nữa.

Những người Phiến-đà-la quỳ dài khóc lóc, thưa hoàng hậu:

–Năm người chúng con phụng thờ đại gia có những tội lỗi nghịch ý gì mà nay bị đuổi đi? Nếu có gì không xứng hợp, cúi xin đại gia tha thứ, cho được làm việc như trước.

Hoàng hậu nói đến lần thứ ba rồi mà những người Phiến-đà-la vẫn không muốn đi. Hoàng hậu bạch Phật:

–Đệ tử dốc lòng thả những người Phiến-đà-la này nhưng họ không chịu đi. Như vậy thì phải làm sao?

Phật nói:

–Những Phiến-đà-la ấy trả nợ chưa hết, bị nhân duyên cũ trói buộc, không thể đi được thì hãy thuận theo ý của họ, cho họ tiếp tục làm việc như trước, khi nào nhân duyên hết thì tự động họ sẽ ra đi.

Đức Phật bảo nhà vua:

–Người tu phước nên khiêm cung kính trọng, tâm chánh trực luôn thanh tịnh, hành trì đạo nghiệp thì công đức vô lượng, lửa không thể thiêu đốt, nước không thể cuốn trôi, giặc cướp không thể hại, sức mạnh của quốc vương cũng không thể làm cho chuyển động, như hoàng hậu ngày nay được thọ hưởng phước báo vậy. Người có tâm ác, tham lam lợi dưỡng, hiện tiền giống như những người Phiến-đà-la kia, nhiều đời chịu khổ não, đến nay vẫn chưa dứt. Tuy gặp Phật giáo hóa cũng giống như gió thổi qua tai mà thôi. Vì nghiệp lực của tội, trở lại sinh oán ghét, thù hằn, càng rơi vào chỗ mù mịt, tối tăm, khi nào mới được thoát khỏi!

Bấy giờ vì lòng Từ bi, Đức Phật nói với các Tỳ-kheo:

–Như ta đã nói trước đây: thân người khó được, gặp Phật ra đời rất khó, pháp khó được nghe, thọ mạng trọn vẹn cũng khó. Các vị nhờ đời trước làm chút việc thiện mà được sinh làm người, lại gặp Phật ra đời, nghe pháp tin theo, cắt bỏ ân ái, từ biệt cha mẹ, anh em, vợ con, sáu thân quyến thuộc, xuất gia học đạo, giống như người tù thoát ngục nên bỏ ác quy thiện, lời nói đi đôi với việc làm, thiếu dục tri túc, không tham cầu vinh hoa ở đời, nhẫn nại với đói khát, lập chí hướng đến Niết-bàn, nghiên cứu chuyên cần học hỏi, dứt bỏ các điều ác, trang nghiêm bằng trí tuệ, tu nghiệp vô lậu để ra khỏi biển sinh tử. Lại dùng trí tuệ để giáo hóa thiên hạ khiến họ tu hành mười thiện. Đó gọi là tự độ mình và độ người khác, ứng với nghiệp hạnh của Bồ-tát.

Lúc đó, trong hội có các Tỳ-kheo nghe Phật nói vậy tự xét những hành động của mình từ thân nghiệp, khẩu nghiệp không xứng đáng với đạo pháp, hơn năm trăm người liền đứng dậy cung kính cúi đầu sám hối rồi quỳ chấp tay, bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Như lời Thế Tôn dạy về ba nghiệp bất thiện, chúng con đều có. Nay ở trước Phật chúng con xin phát lồ sám hối. Cúi xin Thế Tôn soi xét lòng thành của chúng con. Từ nay trở về sau thề không làm điều sai trái, chúng con sẽ tu hành như pháp, nguyện Phật chứng tri. Đức Phật dẫn dạy chúng con là bậc Thánh trong ba cõi, là

cha mẹ của chúng sinh. Chúng con nay sửa ác tu thiện là điều rất vui mừng nên tùy hỷ như vậy.

Lại có năm trăm Tỳ-kheo hạnh xấu, nghe nói vậy liền đứng dậy, cung kính cúi đầu hướng về Phật, bạch:

–Bạch Thế Tôn! Chúng con không thể tu tập theo hạnh xuất gia được. Vì sao? Vì từ xưa đến nay ham lợi dưỡng, làm những việc tà vạy, ô uế, hư dối, không thật, nhận đồ cúng dường của người, nợ nần tràn đầy, vì thế mà luôn luôn lo sợ. Nay chúng con muốn bỏ đạo về tục, xin Phật rủ lòng thương xót cho phép.

Đức Phật bảo các vị Tỳ-kheo ấy:

–Hay lắm! Hay lắm! Ta sẽ giúp cho các vị được như ý. Vì sao? Vì người vào đạo giống như cầm dao nhọn, mang chất độc, mà không thể chịu nổi. Nếu không chịu nổi thì chi bằng đừng hành đạo. Vì sao? Vì nếu cầm nắm không chắc chắn thì nó trở lại hại mình. Nay các vị tin vào nghiệp báo, có tâm hổ thẹn, vì biết thẹn, hổ để diệt trừ các tội lỗi, làm tăng trưởng căn lành. Bồ-tát Di-lặc sau khi thành Phật thuyết pháp thì các vị là người được độ đầu tiên.

Đức Phật lại bảo các Tỳ-kheo:

–Thà cắt thịt của thân để ăn chứ không đem tâm tà mà thọ đồ cúng dường của người. Rất khó, rất khó, các vị hãy luôn cẩn thận dè dặt.

Bấy giờ, La-hầu-la, con của Phật, cùng năm mươi Sa-di nghe Phật nói về gốc ngọn nơi nhân duyên của họa do những người Phiến-đà-la tạo ra, ai nấy đều kinh sợ, liền đứng dậy cung kính đem đầu mặt làm lễ Phật, rồi chấp tay bạch:

–Bạch Thế Tôn! Chúng con nghe Thế Tôn nói về những người Phiến-đà-la ấy do nghiệp của đời trước mà thọ quả báo khổ, khiến chúng con rất sợ hãi. Vì sao? Vì Hòa thượng Xá-lợi-phất là bậc Đại trí, đại phước đức, được các hào tộc trong nước nghe biết, nên nhiều người tranh nhau đến để cúng dường đủ các món ngon vật lạ. Còn chúng con thì nhỏ, ngu si, không có phước đức mà thọ nhận những món ngon vật lạ như vậy thì đời sau sẽ phải thường trả cho họ, phải bị quả báo khổ giống như những người Phiến-đà-la ấy, vì vậy chúng con thật lo sợ. Năm trăm Tỳ-kheo kia đức nhiều còn không kham nổi, phải bỏ đạo về tục, hướng chi chúng con còn nhỏ, không có trí tuệ, xin Phật rủ lòng thương xót cho phép chúng con bỏ đạo về nhà, mong tránh khỏi tội, không bị khổ ách.

Đức Phật bảo La-hầu-la:

–Con sợ tội, muốn được về nhà để mong khỏi khổ, việc đó không đúng. Vì sao? Như có hai người thiếu ăn, đói khát, bỗng nhiên gặp được người chủ đãi các món ăn ngon đặc biệt. Hai kẻ đói ấy vì ham nên ăn quá no. Nhưng trong hai người này một người có trí, còn người kia thì ngu si. Người có trí tự biết: Nếu ăn quá no thì làm cho thân nặng nề, mặt mày nhăn nhó khó chịu, sợ đưa đến họa khổ, liền tìm tới thầy thuốc giỏi, khiêm tốn hạ mình xin cầu cứu để trừ khổ họa. Lương y liền đưa thuốc Ma-chiên-đề bảo người ấy uống, sau đấy thức ăn được mưa tháo ra, dùng lửa sưởi ấm cho khỏe dần, nhờ đó mà người này thoát được họa họa, cuối cùng giữ được thọ mạng ổn định, an lạc. Còn người ngu si không biết lỗi lầm của việc ăn uống quá độ, cho là quý mị quấy phá, tốn nhiều tài sản, giết nhiều sinh mạng, để cúng tế quỷ thần mong muốn cứu được mạng sống, hao phí công sức, thức ăn cũ trong bụng biến thành gió độc, làm cho sinh khí chuyển động tạo nên đau đớn, do đó mà chết bị đọa vào địa ngục muôn kiếp chịu khổ. Đó là do không có trí.

Đức Phật bảo:

–La-hầu-la! Con sợ tội mà trở về nhà thì con giống như kẻ ngu si vô trí kia. Người cầu phước muốn khỏi tội thì phải khiêm nhường, tinh tấn, gần gũi minh sư để tu tập trí tuệ, sám hối những nghiệp ác, đổi xưa tu nay, do sự hổ thẹn ấy mà trí tuệ được thành tựu. Nhờ trí tuệ thành tựu nên tiêu diệt hết các tội. Như ta đã nói ở trước, oai lực của ánh sáng mặt trời có thể trừ diệt mọi tối tăm. Người tu trí tuệ cũng như vậy, nhờ kiếp trước có căn lành mà gặp được ta. Xá-lợi-phất giống như thầy thuốc hay kia, có thể cứu khổ hoạn để được khỏi chết. Con vì sao nay lại bỏ sáng để đi vào chỗ tối tăm?

Sa-di La-hầu-la bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Trí tuệ của chư Phật giống như biển lớn, tâm của La-hầu-la chúng con giống như đầu sợi lông, đâu có thể thọ trì trí tuệ của Như Lai?

Đức Phật nói:

–Giống như trời mưa, giọt sau không kịp giọt trước, tuy không bắt kịp nhau nhưng có thể làm đầy bình lớn. Tu học trí tuệ cũng như vậy, tuy ban đầu có rất ít nhưng lâu sau chứa thành bình lớn. Bình này đầy rồi sang qua bình khác, lần lần như vậy đầy cả vô số bình. Đó gọi là tự lợi và lợi tha. Tự lợi và lợi tha gọi là Đại sĩ, như ta ngày nay.

Nghe Phật giảng nói vậy, La-hầu-la tâm mở ý thông, không còn lo sợ. Như lời Thế Tôn dạy, đều gắng phụng hành đầy đủ, không dám nghi ngờ.

Bấy giờ, trong chúng hội có thái tử của quốc vương tên Kỳ-đà, nghe Đức Phật nói về nhân duyên quả báo của pháp mười thiện đạo không có hạn lượng, nên quỳ dài, chấp tay thưa Đức Thế Tôn:

–Trước Phật dạy con thọ trì năm giới, nay muốn bỏ để thọ pháp mười thiện. Vì sao? Vì trong pháp của năm giới, giới uống rượu rất khó giữ, sợ mắc tội.

Đức Thế Tôn bảo:

–Khi thái tử uống rượu đã làm những điều xấu ác gì chẳng?

Kỳ-đà thưa:

–Các vị hào phú trong nước thường bắt nhau đem thức ăn để uống rượu, rồi cùng vui chơi rất hoan lạc, tự cho là không có điều ác. Vì sao? Vì uống rượu mà vẫn nghĩ đến giới, không buông lung, cho nên uống rượu không làm điều ác.

Đức Phật nói:

–Hay lắm! Hay lắm! Nay Kỳ-đà! Thái tử nay đã được trí tuệ phương tiện. Nếu người trong thế gian biết được như thái tử, trọn đời uống rượu đâu có gì xấu ác. Hành giả như vậy mới đáng sinh phước, không có tội. Người làm thiện có hai hạng: Một là hữu lậu; hai là vô lậu. Thiện hữu lậu thường hưởng quả báo diêu lạc ở cõi trời, người. Thiện vô lậu thì được quả báo Niết-bàn, vượt qua khổ sinh tử. Nếu người uống rượu không tạo nghiệp ác, tâm hoan hỷ, không khởi phiền não, nhờ tâm thiện mà được thọ nhận quả báo thiện. Thái tử giữ năm giới đâu có bị mất? Uống rượu mà nghĩ đến giới thì càng tăng phước đức. Trước tiên thọ năm giới, nay thọ mười thiện, công đức ấy vượt gấp bội quả báo của mười thiện.

Khi ấy, vua Ba-tư-nặc bạch Thế Tôn:

–Thế Tôn đã nói khi tâm hoan hỷ thì không khởi nghiệp ác, gọi là thiện hữu lậu, việc đó không phải vậy. Vì sao? Vì lúc người uống rượu thì tâm hoan hỷ, vì tâm hoan hỷ không sinh phiền não, vì không sinh phiền não nên không hành động nào hại, vì không nào hại nên ba nghiệp được thanh tịnh. Đạo thanh tịnh tức là nghiệp vô lậu. Xin Thế Tôn nhớ lại: “Ngày trước con đi săn nhưng quên dẫn theo người đầu bếp, ở trong núi sâu bỗng nhiên thấy đói. Tỳ-tù-tâu: Khi vua đi không ra lệnh dẫn theo người đầu bếp

nên bây giờ không có ăn!” Nghe vậy, con cỡi ngựa quay về cung, bảo người đầu bếp làm thức ăn. Người đầu bếp tên Tu-ca-la, nói: “Thức ăn không có sẵn, bây giờ đang làm.” Trong lúc đói bức bách, con tức giận không suy nghĩ, nổi trận lôi đình, ra lệnh quan đứng bên xử trảm tên đầu bếp. Bị vua ra lệnh, quan liền bàn với nhau: “Tìm kiếm trong cả nước chỉ được một người này trung thành, biết làm việc. Nếu nay giết ông ta đi thì không có ai nấu ăn xứng với ý vua.” Khi đó, phu nhân Mạt-lợi nghe vua ra lệnh giết Tu-ca-la nên lòng rất thương tiếc. Biết vua đói, bà liền ra lệnh làm đầy đủ những món thịt ngon, rượu tốt, rồi tắm rửa, thoa hương thơm trang sức lộng lẫy, dẫn các kỹ nữ đến chỗ của con. Thấy phu nhân trang sức lộng lẫy, dẫn theo các kỹ nữ và sắp đặt rượu thịt ra, làm cho tâm sân của con tiêu tan. Vì sao? Vì phu nhân Mạt-lợi giữ năm giới của Phật, dứt bỏ rượu không uống, làm con luôn giận, hôm nay bỗng nhiên đem rượu thịt đến cùng nhau vui chơi, tỏ bày tình cảm, con liền với phu nhân ăn thịt, uống rượu, bày các kỹ nhạc thích thú, vui vẻ, khiến tâm sân giận của con tiêu diệt. Phu nhân biết con quên mất lòng sân giận, liền sai quan thái giám truyền lệnh của con nói với ngoại thân đừng giết người đầu bếp. Ngoại thân liền phụng lệnh. Sáng mai, con tự hối hận, âu sầu không vui đến nỗi dung mạo tiêu tụy. Phu nhân hỏi con:

– Vì sao mà ưu sầu? Bị lo sợ gì chẳng?

Con nói:

– Hôm qua vì trẫm bị lửa đói hành hạ, nổi giận đã ra lệnh giết Tu-ca-la. Trẫm nghĩ: “Trong nước sẽ không người có khả năng trông coi việc bếp núc nơi hoàng cung như Tu-ca-la. Vì thế mà trẫm hối hận, âu sầu.”

Phu nhân cười, nói:

– Người đó vẫn còn sống, xin bệ hạ đừng buồn khổ nữa.

Con lại hỏi:

– Có thật như vậy không? Hay nói đùa?

Phu nhân trả lời:

– Thật vậy, ông ta vẫn còn sống, không phải là hư dối.

Thế rồi, con ra lệnh cho tùy tùng kêu người đầu bếp đến. Sứ giả vâng lệnh, trong chốc lát đã dẫn ông ta tới. Con rất vui mừng, tất cả ưu buồn, hối hận không còn nữa.

Vua bạch Đức Phật:

– Phu nhân Mạt-lợi giữ năm giới của Phật, một tháng hành trì sáu ngày trai giới, nhưng trong một ngày năm giới đã thọ cả đời phạm tới hai giới: uống rượu và nói dối. Trong tám giới phạm hết sáu giới. Việc này như thế nào? Tội phạm giới nặng hay nhẹ?

Thế Tôn đáp:

– Phạm giới như vậy thì được đại công đức, không có tội lỗi. Vì sao? Vì đã tạo lợi ích. Như trước ta đã nói, phu nhân tu thiện mà thiện có hai loại: Một là thiện hữu lậu; hai là thiện vô lậu. Phu nhân Mạt-lợi đã phạm giới, thuộc về thiện hữu lậu. Không phạm giới ấy gọi là thiện vô lậu. Dựa vào ngữ nghĩa thì phá giới, tu thiện gọi là thiện hữu lậu. Căn cứ vào ngữ nghĩa, hễ tâm khởi tạo việc thiện thì đều gọi là thiện vô lậu.

Vua bạch Đức Phật:

– Như Thế Tôn đã nói, phu nhân Mạt-lợi uống rượu phá giới, không khởi tâm ác mà còn có công đức, không có tội báo, thì tất cả mọi người cũng lại như vậy. Vì sao? Con nhớ gần đây, trong thành Vương xá có các hào tộc, vương công, Sát-lợi, vì một tranh cãi nhỏ mà đưa đến oán thù, lập mưu khởi binh đánh nhau. Hai nhà đều là hào quý, ở chung một nước, lại là thân thích mà không chịu nhường nhịn, không theo lời

khuyên phải trái, khiến con lấy làm lo lắng. Khi xưa còn là thái tử, đại thần của tiên vương là Đề-vi-la, cậy mình là tông môn phú hào nên hay khinh mạn, ăn chơi buông thả, tàn ác hơn súc sinh. Khi đó, con tức giận, tình thật không phân biệt, muốn giết chết ông ta cho rồi, nhưng vì không đủ sức bèn trình thưa phụ vương. Phụ vương không nghe nên con còn tức hận trong lòng, không thể như thế được, vì nhân duyên đó, con ăn uống thất thường, buồn bã tiêu tụy. Thấy con sầu khổ, thái hậu dùng mọi cách khuyên giải nhưng vẫn không hết buồn. Vì thương yêu con, thái hậu sai người tìm kiếm rượu ngon khuyên con uống. Con thưa mẹ:

–Tiên tổ tương thừa thờ trời Na-la-diên, kính đấng Bà-la-môn. Nếu nay uống rượu, con sợ trời nổi giận, bị Bà-la-môn trừng phạt.

Khi đó, thái hậu sợ con bỏ mạng nên vào đêm thanh vắng đóng kín cửa cung, không cho nô tỳ, thái giám và mọi người biết. Thái hậu xướng:

–Thiên thần có lòng Từ bi cứu tất cả khổ, đấng Bà-la-môn đều ứng như vậy. Con nay buồn khổ, tự mình bỏ mạng, thiên thần đâu có thể cứu con được. Con hãy uống thuốc để tiêu trừ ưu hoạn, thân trạng toàn vẹn. Các Bà-la-môn chưa chứng Thiên nhân thì sao biết được việc ẩn kín của con?

Thái hậu bức bách ba lần, con gật đầu nghe theo. Sau khi uống rượu, con quên mất tất cả sầu hận. Thái hậu thấy con thân sắc bình phục trở lại, trong lòng rất vui mừng bèn triệu tập các cung nữ, trỗi các kỹ nhạc, hưởng năm thứ dục lạc trong hai mươi mốt ngày, khiến những tức giận đã qua đều dứt sạch. Thái hậu ra lệnh cho trung thần chuẩn bị rượu ngon và các thức ăn đặc biệt, lại sai người ban lệnh cho dân chúng, quần thần, hào tộc trong nước tập hợp lại, bàn luận việc đại sự. Các quan tranh chấp nên đám quyền thuộc chia làm hai phe, mỗi phe năm trăm người được mời đến họp. Nơi cung điện, vua cho người trang hoàng rất đẹp, lại ra lệnh trung thần sắp chén lưu ly chứa ba thăng, đựng đầy rượu ngon. Ở trước mọi người, con uống trước một chén. Vua nói:

–Hôm nay bàn về đại sự cho quốc gia, ngồi trong hội này các vị đừng tưởng nhớ gì khác. Bây giờ mọi người sẽ uống một chén cam lồ lương được ấy, sau đó mới bàn chuyện.

Mọi người đều tâu:

–Xin tuân lệnh, phụng mạng đại vương.

Rồi vua lệnh cho đám kỹ nhạc xướng hát rất vui. Mọi người được uống rượu và nghe âm nhạc, trong lòng thỏa thích, quên tất cả thù hận, không còn lo âu. Vua lại nâng chén nói với quần thần:

–Sĩ phu tu đức, nối tiếp nhau đã nhiều đời, tuân phụng thờ Thánh giáo không dám sai trái. Vì sao chỉ một việc nhỏ như vậy mà các quan giận dữ, tranh chấp đủ thứ? Nếu các vị không nhường nhịn, e sẽ mất đi sự kế thừa của đất nước. Cho nên ta khuyên lần nữa, hãy chấm dứt mọi việc tranh chấp.

Quần thần tâu:

–Chúng thần xin phụng mạng, không dám trái lời.

Nhân đó mà được hòa khí.

Vua bạch Phật:

–Các người nổi lên tranh chấp, không do nơi rượu, nhưng do được rượu mà chấm dứt tranh chấp, đạt được hòa thuận, đây há không phải là do công đức của rượu sao?

Lại nữa, kính bạch Thế Tôn! Quan sát những kẻ tiểu nhân, bần cùng, nô tỳ, tôi tớ, mọi rợ trong thế gian, nhân ngày Tết mà tụ tập lại quán rượu để uống rượu với tâm

thích thú, không cần ai bảo, họ đều ca múa. Khi chưa được rượu đều không có việc ấy, cho nên biết rằng con người nhờ uống rượu mà có được thích thú, vui sướng. Khi tâm hoan lạc thì không khởi niệm ác. Không khởi niệm ác thì đó là tâm thiện. Nhờ tâm thiện nên thọ quả thiện.

Lại nữa, bạch Thế Tôn! Loài khỉ vượn được rượu còn múa hát, huống chi là người đời.

Như Đức Thế Tôn đã nói: Làm thiện được quả báo thiện, làm ác đưa đến quả báo ác. Như người thế gian nhờ phước đức bố thí của đời trước mà nay đại phú. Còn như có người nghèo đến xin mà keo kiệt không cho, do đó bị quả báo làm ngạ quỷ. Hoặc người thế gian, nam hay nữ có thân tướng đẹp đẽ, người nam mà đẹp thì được người nữ yêu, người nữ đẹp thì được người nam yêu. Những gì người nam thích, giống như có sức mạnh. Ngăn chặn nam nữ không cho họp hội, vì không được họp hội nên đưa đến sầu khổ, tội lỗi này nên quy về đâu? Phu nhân Mạt-lợi vì do đời trước ưa thích bố thí cho người nên nay được phước báo tốt đẹp. Thế nào, bạch Đức Thế Tôn! Vì sao dạy giữ năm giới, một tháng thực hành trai giới sáu ngày: không được trang điểm, thoa hương thơm, trang sức, không được nghe hát, âm nhạc, không được gần gũi với vợ hoặc chồng, rớt cuộc chõ hành trì làm thế nào để không mất công phu tu tập, há không khổ sao?

Đức Phật bảo vua:

–Những điều đại vương nêu hỏi chẳng phải là không như thế. Phu nhân Mạt-lợi khi còn trẻ, nếu Ta không chỉ dạy trao truyền giới pháp, tu tập trí tuệ thì làm sao hôm nay có phước đức để độ mình và độ thân vua. Công đức như vậy thì quy về ai? Phu nhân Mạt-lợi thọ nhận giáo pháp của ta, lời nói và việc làm tương xứng nên khiến ngày nay thành tựu trí tuệ, phương tiện giải thoát.

Lại nữa, này đại vương! Ví như gia đình có một đứa con luôn muốn nó được nên người. Khi còn nhỏ hãy dẫn nó đến học đường để được dạy dỗ về văn chương, kỹ thuật, sách vở, lễ nghĩa. Pháp của học đường đều có phép tắc quả trách, trừng phạt, tiết chế ăn uống, không được ngủ nghỉ tùy tiện, ra vào, lui tới phải có lễ độ. Người nào phạm lỗi thì tùy theo tội nặng nhẹ mà la rầy hoặc phạt. Vì đứa con sợ roi nên học hành chăm chỉ, đến khi tuổi lớn mới có tài cao, nghe rộng, không có điều gì là không biết. Lại đem sự hiểu biết đó chuyển dạy cho người khác. Phu nhân Mạt-lợi giữ trai trì giới cũng lại như vậy.

Lại nữa, này đại vương! Cũng như Phú-lâu-na vì tâm ganh ghét mà cắt đứt ân ái, từ biệt mẹ cha, dứt bỏ vợ con để vào núi học đạo, mặc áo bằng cỏ, chịu lạnh chịu nóng, tự lập thế nguyện: “Cần phải đọc tụng chín mươi sáu loại kinh luận cho thông đạt. Nếu không được như vậy thì không trở về gặp cha mẹ.” Đủ hai mươi năm, Phú-lâu-na thông đạt tất cả và trở về thành Vương xá, đầu đội bó đuốc, lấy lá đồng quấn nơi bụng, đi trên đường mà xướng lớn: “Ta là bậc Nhất thiết trí!” Ông ấy đến chỗ Như Lai, nói với Ta rằng: “Sa-môn Cù-đàm không biết gì cả.” Ta bảo: Người ngu si kia và nói:

*Người ít nhiều trí tuệ
Tự đại, khinh mạn người
Như người mù cầm đuốc
Soi người, không sáng mình.*

Khi ấy, Phú-lâu-na nghe như vậy bỗng nhiên tâm tỏ ngộ, liền bỏ bó đuốc xuống, tháo lá đồng trên bụng ra, năm vóc sát đất, xấu hổ ăn năn tội lỗi đã qua. Tất cả lỗi lầm

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

ấy đều từ đa văn, trí tuệ, các căn lanh lợi. Trong thời gian chưa khởi thì đoạn trừ lậu hoặc nơi ba cõi đắc quả A-la-hán, là nhờ sức mạnh của trí tuệ. Ví như điều phục voi khiến voi phải theo móc sắt để di chuyển. Đại vương nên biết! Người tu học đều do sự cấm chế, thủ giữ năm căn, sau đó thông đạt, không có gì trở ngại, nên gọi là trí vô ngại. Người đạt trí vô ngại có đủ bốn biện tài, nay Phú-lâu-na đầy đủ bốn biện tài đều do chuyên tâm siêng năng khổ nhọc học tập mà được. Cho nên ta nói phàm là trí tuệ thông tỏ có bảy đức tài:

1. Tín tài.
2. Tinh tấn tài.
3. Giới tài.
4. Tàm quý tài.
5. Văn tài.
6. Xả tài.
7. Định tuệ tài.

Phu nhân Mạt-lợi có đầy đủ bảy tài ấy. Đại vương nên biết! Mặc dù là thân nữ nhưng phu nhân Mạt-lợi có tài cao trí rộng, khác với người thường. Đó đều do từ nhỏ đến nay luôn thận trọng về thân, khẩu, ý, một lòng chuyên niệm tu tập trí tuệ. Nhờ diệu lực của trí tuệ mà được giải thoát. Lại dùng trí tuệ giác ngộ cho mọi người.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn nhân trường hợp Sa-di La-hầu-la, vì đại chúng mà nói kệ:

*Nghe là chim cánh vàng
Có oai lực mạnh mẽ
Nghe là kho của báu
Để tạo lợi ích nhau.
Nghe là cầu cống lớn
Giúp người vượt các khổ
Nghe là lái thuyền lớn
Đưa người qua biển khổ.
Nghe nhiều được sáng suốt
Nhờ sáng, trí tuệ tăng
Trí thì hiểu rõ nghĩa
Thấy, nghe hành pháp vui.
Nghe nhiều trừ khổ não
Thường lấy định làm vui
Hiểu rõ pháp cam lồ
Nhờ đó chứng Niết-bàn.
Nghe là biết pháp luật
Giải nghi được chánh kiến
Nhờ nghe bỏ phi pháp
Đi đến chốn không chết.
Tiên nhân kính thờ nghe
Chư Thiên cũng như vậy
Ngăn tâm không buông lung
Nghe nhiều thành Thánh trí.
Trí tuệ phá ưu sầu
Cũng trừ hết tà suy*

*Muốn cầu vui an ổn
Nên phụng thờ minh sư.
Nhờ đó mù được thấy
Như trong tối được đèn
Hướng dẫn người thế gian
Như sáng đến người tối.
Cho nên phải bỏ si
Lìa vui, giàu sang, mạn
Gắng học, thờ minh sư
Đó là tích tụ đức.*

Nói kệ xong, Đức Phật lại bảo nhà vua:

–Nay vua được phước đức, thông minh, hiểu rộng đều do kiếp trước vua gần gũi minh sư, siêng năng phụng sự, tinh tấn học tập, nhờ đó mà được phước báo làm vua, có trí tuệ sáng suốt, giàu sang nhiều quyền uy, an ổn, thế gian không ai bằng. Cho nên ta nói: Trí tuệ Bát-nhã có bốn nghĩa. Nên biết rằng người cầu pháp nơi ba thừa phải học Bát-nhã. Người nào muốn lìa khổ hoạn, ba ác, tám nạn, muốn hưởng quả báo diệu lạc nơi cõi trời, người, nói chung là muốn cầu tất cả phước đức đều phải tu học phương tiện trí tuệ. Như ta đã nói ở trước, vua A-dật-đa siêng năng tu học mà có trí tuệ. Nhờ diệu lực của trí tuệ nên dù bị mất hạnh, sinh trong đường ác mà vẫn biết được túc mạng. Nhờ biết túc mạng nên sửa ác tu thiện, mau được giải thoát, cảm ứng đến chư Thiên tới cứu giúp, cúng dường. Do năng lực của trí tuệ mà được làm thầy chư Thiên. Vì nhân duyên đó ta nói Bát-nhã có bốn nghĩa.

Nghe Phật giảng nói nhân duyên của công đức nơi phương tiện trí tuệ, vua Ba-tư-nặc rất hoan hỷ. Thái tử Kỳ-đà, phu nhân, thái hậu, quần thần, dân chúng... tất cả đại chúng đều thông hiểu tỏ ngộ. Hết thấy mọi người đều cung kính đứng dậy lễ Phật rồi ngồi lại chỗ cũ.

Vua chấp tay bạch Phật:

–Như lời Phật nói, người đời tu thiện có hai hạng là thiện hữu lậu và thiện vô lậu. Hữu lậu và vô lậu hai nghĩa đều quy về một. Bạch Thế Tôn! Như vậy sao Thế Tôn nói là có sai khác?

Đức Phật nói:

–Con người có hai hạng: Một là căn lanh lợi; hai là căn trì độn. Vì người căn trì độn mà nói hai loại thiện. Còn đối với người căn lanh lợi thì không nói có hai loại. Vì sao? Như các dòng sông, suối đều chảy về một biển, người căn trì độn do các căn tối tăm, chậm lụt nên vì họ mà phân biệt giảng nói như vậy.

Bấy giờ, thái tử Kỳ-đà bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Giới pháp của mười thiện có sai khác không hay đồng một nghĩa? Nghĩa của giới vọng ngữ là một hay nhiều? Nếu một nghĩa thì con không thể giữ được, còn như sai khác thì xin Ngài hãy giảng nói rõ.

Đức Phật bảo:

–Vọng ngữ có hai: Một là nặng; hai là nhẹ. Sao gọi là nặng? Nếu người thọ giới mà không tu trí tuệ, ngu si vô trí nên không thể giáo hóa, làm hưng thịnh Phật pháp, do thế mà bị mọi người khinh chê, không cúng dường, nên bản cùng khổ. Vì muốn được cúng dường nên bên ngoài hiện ra vẻ tinh tấn mà bên trong thì làm những việc tà vạy, ô uế, thay phiên nhau nói với mọi người: “Tỳ-kheo đó tu khổ hạnh tinh tấn, chứng

được cảnh giới thiên.” Hoặc nói: “Thấy Phật, thấy rồng, thấy quý.” Người như vậy gọi là đại vọng ngữ. Ai phạm tội ấy thì bị đọa vào địa ngục A-tỳ. Lại nữa, vọng ngữ mà đưa đến giết người, phá hoại nhà cửa của người, đó là vọng ngữ loại nặng. Trường hợp có người vọng ngữ làm trái mất lời hẹn ước, khiến cho người khác phải sân hận, như vậy gọi là vọng ngữ bậc thấp. Người nào làm như vậy gọi là phạm giới và bị đọa vào địa ngục nhỏ. Ngoài ra, nói đùa giỡn cùng các việc riêng tư, những việc cần phải che giấu nên hoặc có nói không, không nói có thì không phạm giới.

Thái tử Kỳ-đà nghe vậy, liền đến trước Phật xin thọ pháp mười thiện đạo, rồi bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Ngày nay nghi ngờ của đệ tử đã được diệt trừ, con phát tâm cầu đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, nguyện Phật chứng tri.

Đức Phật nói:

–Lành thay! Ta rất tùy hỷ, thật là đúng lúc.

Vua bạch Phật:

–Đức Phật đã giảng nói, mười phương Hiền thánh sáng suốt, thông đạt về nhân duyên quả báo của chúng sinh. Phụ vương của con phụng thờ ngoại đạo, tu trì giới cấm, không bao giờ uống rượu, ăn thịt và năm món cay nồng, cúng dường Phạm thiên và mặt trời, mặt trăng, nước, lửa, luôn thực hành hạnh bố thí. Vì cầu phước nơi Phạm thiên nên hàng năm thường lấy sữa của một ngàn con bò để cúng dường các Bà-la-môn. Tính ra trong bốn mươi năm thì có bốn vạn con bò. Các Bà-la-môn luôn được ăn uống đủ các vị sữa, bơ, sữa tươi, sữa chín, đề hồ... Công đức như vậy thì sinh vào cõi trời nào? Cúi xin Phật rủ lòng thương xót phân biệt chỉ dạy để cho các hành giả đều nghe biết.

Đức Phật nói:

–Quả báo của tiên vương nay ở trong địa ngục. Vì sao? Vì không gặp thời cơ tốt, không gặp bạn lành, không có phương tiện hay. Mặc dù tu tập tạo công đức nhưng không thoát khỏi tội. Công đức của bố thí không mất, nên sau khi tội hết rồi mới được hưởng phước. Đại vương nên biết! Người tu phước không đổi được tội. Vì không đổi được nên cần phải có phương tiện để có thể diệt tội. Sao gọi là phương tiện? Là tri thức thiện. Sao gọi là bạn lành? Nghĩa là người có chánh kiến. Là bạn lành, tức luôn dùng chánh giáo để điều phục tâm. Chánh giáo nghĩa là gì? Nghĩa là quán vô thường, khổ, không, vô ngã và mười hai nhân duyên trói buộc trong sinh tử, tu tập bốn chân Đế: Thấy Khổ, đoạn Tập, chứng Diệt và tu Đạo, thực hành sáu pháp Ba-la-mật, bốn Tâm vô lượng. Đó là phương tiện để điều phục các căn. Nhờ các căn được điều phục nên thành tựu được định tuệ. Nhờ định tuệ thành tựu nên tâm được chánh trực. Tâm chánh trực thì luôn tinh tấn. Tâm tinh tấn nên có thể giữ giới cấm. Giới cấm giữ rất ráo thì được định tuệ sáng suốt, thông tỏ. Nhờ trí tuệ thông tỏ mà đối với vạn hạnh đều thông đạt, không bị chướng ngại. Do hành không bị chướng ngại nên gọi là giải thoát. Tâm giải thoát tức là Niết-bàn. Đó gọi là tri thức thiện. Đại vương nên biết! Minh sư dẫn đường giỏi, đó là nhân duyên lớn không thể xem thường. Đại vương nay gặp được Hiền thánh là đều nhờ quả báo từ nhân duyên kiếp trước, nghe pháp tin hiểu, lại có thể làm cho người khác tin hiểu. Cho nên ta nói: Người trí sáng khó gặp, không ai sánh bằng, sinh ra chỗ nào thân tộc đều được nhờ ơn nên phải tu trí tuệ Bát-nhã.

Vua bạch Phật:

–Nghe Đức Thế Tôn nói về phương tiện trí tuệ, con đã thấu triệt. Như Thế Tôn nói, họa phước bất động, tiên đế đại vương của con tạo nghiệp ác gì mà bị khổ báo như

vậy?

Đức Phật bảo vua:

–Tiên đế đại vương có sáu tội:

1. Kiêu mạn và xét việc không rõ ràng, bất cứ việc nặng hay nhẹ liền đánh phạt, không nhẫn nại được.

2. Tham lam của cải, xử việc không công bằng làm cho thiên hạ oán hận.

3. Đi săn bắn, vui chơi để cho dân chúng khổ, làm tổn hại chúng sinh chỉ dốc yêu mến thân mạng của mình.

4. Giam giữ cung nữ, không cho họ tự do nên họ luôn phải chịu khổ.

5. Đắm chìm trong nữ sắc, được mới chán cũ, đối xử không công bằng, làm cho họ oán hận.

6. Sợ các Bà-la-môn nên trộm ăn thịt, uống rượu và ăn năm thứ cay nồng, sợ bị quở trách nên làm điều dối trá.

Đó là sáu việc đưa đến nghiệp tạo tội, bị đọa nơi địa ngục.

Vua bạch Phật:

–Nếu như vậy thì khi Phật chưa xuất thế, đệ tử cũng có tội như vậy thì làm sao tu hạnh mười thiện để được thành tựu mà không bị chướng ngại?

Đức Phật bảo vua:

–Trước ta đã nói: Khi ánh sáng mặt trời xuất hiện làm cho các tối tăm đều bị tiêu diệt, có chỗ nào không sáng chẳng?

Vua nói:

–Ánh sáng của lửa, đèn vẫn còn diệt được bóng tối huống chi là oai thế của ánh sáng mặt trời.

Phật hỏi:

–Vua nay được phước đức, nghe Phật thuyết pháp, thành tựu trí tuệ giống như ánh sáng mặt trời tiêu diệt mọi sự tối tăm, nên không còn tội nào nữa.

Vua bạch Phật:

–Cha của trăm thờ thầy Bà-la-môn, trí tuệ tinh tấn, tu tập khổ hạnh, vì cầu phước mà không tiếc thân mạng, làm những việc khổ hạnh như: lao xuống vực, dùng lửa đốt thân hoặc tuyệt thực để cầu sinh lên cõi Phạm thiên, hoặc chất củi để tự đốt thân, hoặc giơ chân lên, hả miệng hướng lên mặt trời, hoặc dùng dây buộc vào chân rồi tự treo ngược trên cây cao, hoặc nằm trên gai gốc, ôm đá đè lên ngực... Những công phu khổ hạnh đó, phước đức quy về đâu?

Đức Phật đáp:

–Như trước ta đã nói: Làm khổ mắc quả báo khổ, làm vui được quả báo vui, vua không nghe chẳng?

Vua thưa:

–Thế Tôn dạy các đệ tử nên giữ giới cấm không phải là khổ sao? Phàm con người khi đói mà không được ăn thì phiền não nổi lên hoành hành, tức giận đùng đùng, không tự biết rõ, như con đã nổi cơn giận dữ, ra lệnh giết Tu-ca-la. Việc như vậy chịu khổ nhiều đời, lẽ nào không là ác sao?

Phật nói:

–Trước đây sở dĩ ta chế pháp không ăn trước giờ Ngọ vì các Tỳ-kheo vốn từ bỏ pháp ngoại đạo, ở trong pháp của Ta mà xuất gia tu học. Trước hết phải tập khổ hạnh, vì đói khát nên các đệ tử thấy thức ăn ngon thì tham mà ăn quá no, do ăn như thế nên

khó tiêu, đưa đến nhiều bệnh hoạn, vì vậy mà ngăn chế chứ không phải chịu khổ, nhịn đói để cầu phước đức. Lại tiết chế ăn uống vì thấy các Tỳ-kheo đi khát thực không kể ngày đêm, ăn không có chừng mực nên bị các ngoại đạo giàu chê nói rằng: “Sa-môn Cù-đàm tự cho là đạo trong sạch, thật ra có khác gì với pháp của ngoại đạo”, nên tiết chế ăn uống, chẳng phải vì đói khổ, mà để cầu phước. Nói tóm lại, chế giới cấm chính là vì người si không có trí tuệ phương tiện, chứ không phải vì người trí biết cách ứng hợp thời. Như trước ta đã nói, trí tuệ Bát-nhã tức là giải thoát, những gì mà người trí thọ trì là điều mà bậc Thánh tu hành.

Nghe như vậy, vua càng vui mừng, đứng dậy cung kính lễ Phật. Tất cả đại chúng cũng như vậy.

Vua Ba-tư-nặc lại chấp tay, bạch Đức Thế Tôn:

–Đại chúng hôm nay nghe Phật giảng nói làm cho lười nghỉ đều được phá vỡ, giống như ánh sáng mặt trời xua đuổi tất cả sự tối tăm, được thấy thông suốt. Công ơn này khó báo đền, đệ tử phải cúng dường như thế nào để báo ân sâu nặng của Thế Tôn?

Đức Phật nói:

–Giáo pháp cam lồ ấy khó báo đền. Giả sử có người trải qua hàng hà sa kiếp hết lòng phụng sự Phật, Pháp, Tăng với tất cả những vật cần dùng như: y phục, ăn uống, đồ nằm, thuốc thang. Ý vua thế nào? Phước ấy có nhiều không?

Vua bạch:

–Rất nhiều, không thể tính được.

Phật nói:

–Pháp cam lồ sâu xa vi diệu khó lường, cứu giúp không kể lớn nhỏ, không phải sức nơi phước đức của hàng trời, người có thể báo đáp được. Duy chỉ một điều là có thể báo đáp ân Phật, đó là thường dùng tâm Từ bi, đem tất cả pháp lành mà mình thông hiểu, lần lượt mở bày dẫn dắt, dù chỉ cho một người, để họ có tín tâm mà thành tựu trí tuệ, lần lượt giáo hóa hết thấy mọi người. Ví như một ngọn đèn lần lượt mỗi đốt cho vô số đèn. Hành trì như vậy mới gọi là báo đáp ân sâu nặng của thầy. Đại vương nên biết! Muốn báo đáp ân giải thoát của thầy thì phải dùng trí tuệ để độ thoát chúng sinh. Làm như vậy tức là cúng dường ba đời chư Phật, chứ chẳng phải cúng dường để báo đáp ân một thầy.

Vua chấp tay bạch Phật:

–Truyền bá Thánh giáo, khai ngộ cho chúng sinh, khiến họ tu tập đạt chánh kiến, hành trì Thánh đạo, phước ấy thế nào? Cúi xin Phật rủ lòng thương, khai mở, hướng dẫn cho chúng sinh.

Đức Phật bảo:

–Nếu thiện nam, thiện nữ nào nghe thầy, nghe pháp, dù chỉ một nghĩa, rồi đem nghĩa đó lần lượt chuyển dạy, cho đến một người, làm cho người chưa tin được tin, chưa hiểu khiến cho hiểu. Công đức ấy là vô lượng vô biên, không phải những điều mà hàng phàm phu biết được. Đại vương! Giả sử có người suốt cả ngàn năm đem thức ăn uống, thuốc thang, y phục thượng hạng cung kính cúng dường Phật, Pháp, Tăng, phước ấy có nhiều không?

Vua thưa:

–Bạch Thế Tôn! Rất nhiều, không thể tính lường.

Đức Phật bảo:

–Nếu thiện nam, thiện nữ nào theo thầy nghe chánh pháp của chư Phật, lần lượt

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

chuyển dạy dù chỉ là một người, khiến họ tin hiểu, người này được phước đức hơn kia cả ngàn vạn lần. Vì sao? Vì công đức của việc giáo hóa pháp là vô lượng.

Đức Phật bảo Tôn giả A-nan:

–Giáo pháp này mà tinh tấn nêu dạy, giáo hóa cho tất cả muôn dân thì phước ấy là vô lượng. Nay Tôn giả A-nan! Ta nay đem pháp mầu nhiệm vi diệu vô thượng này phó chúc cho ông để nêu giảng, lưu hành, giáo hóa, cứu độ chúng sinh, đó là cúng dường tất cả chư Phật.

Tôn giả A-nan chấp tay thưa:

–Bạch Thế Tôn! Thế Tôn phó chúc kinh này, vậy tên kinh là gì?

Đức Phật nói:

–Nay Tôn giả A-nan! Kinh giáo này tên là Vị Tăng Hữu Thuyết Nhân Duyên Kinh, phải siêng năng tu hành.

Bấy giờ, vua Ba-tư-nặc, thái tử Kỳ-đà, phu nhân, hậu cung, bốn hàng đệ tử, Thích, Phạm, chư Thiên, tám bộ chúng rồng, thần, tám mươi vạn người nghe Phật giảng nói đều rất hoan hỷ. Tất cả đều phát tâm hướng đến ba môn giải thoát, rồi lạy Phật lui ra, như pháp phụng hành.

